HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN **TỈNH ĐẮK NÔNG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 18 /NQ-HĐND	*Đắk Nông, ngày 14 tháng 12 năm 2017*

NGHỊ QUYẾT
Thông qua Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2018

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK NÔNG
KHÓA III, KỲ HỌP THỨ 5

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 22/2015/NQ-HĐND ngày 10/12/2015 của HĐND tỉnh khóa II về Thông qua Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm giai đoạn 2016-2020 của tỉnh Đắk Nông;

Xét Báo cáo số 670 /BC-UBND, ngày 07/12/2017 của UBND tỉnh về tình hình phát triển kinh tế - xã hội, an ninh quốc phòng năm 2017 và xây dựng Kế hoạch năm 2018; Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - Ngân sách HĐND tỉnh; ý kiến thảo luận của các đại biểu Hội đồng nhân dân tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thông qua Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Đắk Nông năm 2018 *(có kế hoạch kèm theo)*.

Điều 2. Giao cho UBND tỉnh tổ chức triển khai thực hiện và định kỳ báo cáo kết quả thực hiện cho Hội đồng nhân dân tỉnh.

Giao Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban Hội đồng nhân dân, các Tổ đại biểu và các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Đắk Nông Khóa III, Kỳ họp thứ 5 thông qua ngày 14 tháng 12 năm 2017 và có hiệu lực từ ngày Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua./.

Nơi nhận:
- UBTV Quốc hội; Chính phủ;
- Các Bộ: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính;
- Ban Công tác đại biểu;
- Thường trực Tỉnh ủy, HĐND tỉnh;
- UBND tỉnh, Ủy ban MTTQ VN tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Các Ban HĐND tỉnh;
- Các đại biểu HĐND tỉnh;
- Các Ban đảng của Tỉnh ủy, Trường Chính trị tỉnh;
- Vp: Tỉnh ủy, HĐND, UBND tỉnh;
- Các Sở, Ban, ngành, đoàn thể của tỉnh;
- Thường trực HĐND, UBND các huyện, thị xã;
- Báo Đắk Nông, Đài PT-TH, Công báo tỉnh;
- Cổng TTĐT tỉnh, Trung tâm Lưu trữ tỉnh;
- Lưu: VT, LĐ và CV Phòng TH, HSKH.

CHỦ TỊCH

Lê Diễn

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH ĐĂK NÔNG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

KẾ HOẠCH
PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI NĂM 2018

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 18/NQ-HĐND, ngày 14/12/2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đắk Nông)

I. MỤC TIÊU VÀ CÁC CHỈ TIÊU CHỦ YẾU NĂM 2018

1. Mục tiêu tổng quát: Thúc đẩy tăng trưởng kinh tế phấn đấu theo Nghị quyết 5 năm của Tỉnh ủy, HĐND tỉnh đã quyết nghị. Triển khai các chính sách của Trung ương trên địa bàn tỉnh, góp phần cùng cả nước giữ vững ổn định và phát triển kinh tế vĩ mô. Cải thiện môi trường sản xuất kinh doanh của tỉnh mạnh mẽ, quán triệt theo tinh thần "Chính phủ kiến tạo", tập trung phát triển kinh tế tư nhân, nâng cao hiệu quả tổ chức thi hành pháp luật. Thực hiện tốt các mục tiêu an sinh xã hội và chăm lo đời sống nhân dân. Phát triển giáo dục và đào tạo nâng cao chất lượng nguồn nhân lực. Phát triển văn hóa, thực hiện dân chủ và công bằng xã hội. Tăng cường hiệu lực, hiệu quả quản lý tài nguyên, bảo vệ rừng và bảo vệ môi trường. Đẩy mạnh cải cách hành chính, tinh giản biên chế gắn với cải cách công vụ, công chức. Tiếp tục phát triển và mở rộng các mối quan hệ đối ngoại với các tỉnh bạn, tập đoàn kinh tế lớn. Củng cố quốc phòng, bảo đảm an ninh chính trị và trật tự, an toàn xã hội.

2. Các chỉ tiêu chủ yếu của năm 2018

2.1. Tăng trưởng kinh tế (tính theo hệ số mới): GRDP (giá 2010) tăng 7,15%. Khu vực Nông nghiệp tăng 5,97%; Khu vực Công nghiệp xây dựng tăng 9,4%; Khu vực Dịch vụ tăng trên 7,46%; Khu vực Thuế tăng trên 7,55%.

Tăng trưởng kinh tế (tính theo hệ số cũ): GRDP (giá 2010) tăng 7,52%; Trong đó: Khu vực Nông nghiệp tăng 6,18%; Khu vực Công nghiệp xây dựng tăng 11,18%; Khu vực Dịch vụ tăng trên 7,65%; Khu vực Thuế tăng trên 7,02%.

2.2. Cơ cấu kinh tế (tính theo hệ số mới): Tỷ trọng khu vực nông nghiệp chiếm 47,83%; khu vực công nghiệp - xây dựng chiếm 16,94%; khu vực dịch vụ chiếm 32,34%; khu vực thuế chiếm 2,9%.

Cơ cấu kinh tế (tính theo hệ số cũ): Tỷ trọng khu vực nông nghiệp chiếm 48,04%; khu vực công nghiệp - xây dựng chiếm 15,37% khu vực dịch vụ chiếm 31,37%; khu vực thuế chiếm 5,21%.

2.3. GRDP bình quân đầu người (tính theo hệ số mới): Đạt 38,63 triệu đồng, trên dân số dự kiến 635 ngàn người. GRDP bình quân đầu người (tính theo hệ số cũ): Đạt 44,85 triệu đồng.

2.4. Tổng vốn đầu tư toàn xã hội trên 15.000 tỷ đồng.

2.5. Thu ngân sách nhà nước trên địa bàn trên 2.000 tỷ đồng.

2.6. Hạ tầng giao thông: Tỷ lệ nhựa hoá đường toàn tỉnh đạt 61%; trong đó, tỷ lệ nhựa hóa đường huyện đạt 92%.

2.7. Hạ tầng cấp, thoát nước và đô thị: Bảo đảm nguồn nước cho 76% diện tích cây trồng có nhu cầu tưới; 88% hộ dân nông thôn sử dụng nước hợp vệ sinh; 96% hộ dân thành thị sử dụng nước sạch.

2.8. Hạ tầng cấp điện: 97,5% số hộ được dùng điện. Tỷ lệ thôn, bon, buôn có điện lưới Quốc gia 99%.

2.9. Dân số bình quân 635 ngàn người, tốc độ tăng dân số tự nhiên 1,1%.

2.10. Lao động và việc làm: Số lao động được tạo việc làm 18 ngàn người; Đào tạo nghề cho 3,8 ngàn người.

2.11. Giảm nghèo: Giảm tỷ lệ hộ nghèo từ 2% trở lên, trong đó hộ nghèo đồng bào dân tộc thiểu số tại chỗ giảm từ 5% trở lên.

2.12. Y tế: 56,3% xã đạt tiêu chuẩn quốc gia về y tế; 84,9% dân số tham gia bảo hiểm y tế.

2.13. Giáo dục: Số trường được công nhận đạt chuẩn quốc gia 8 trường; 68% dân số trong độ tuổi học Trung học phổ thông đi học.

2.14. Văn hóa: Tỷ lệ hộ gia đình đạt danh hiệu văn hóa 78%; Tỷ lệ thôn, bon, tổ dân phố văn hóa 73%; Xã, phường, thị trấn văn hóa 24,5%; Cơ quan đạt danh hiệu văn hóa 88,8%.

2.15. Môi trường: Tỷ lệ che phủ rừng 40%.

2.16. Nông thôn mới: có thêm 04 xã đạt chuẩn nông thôn mới (lũy kế đạt 14 xã), mỗi xã đạt bình quân 12,5 tiêu chí trở lên.

II. NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP CHỦ YẾU PHÁT TRIỂN CÁC NGÀNH, LĨNH VỰC

Năm 2018 là năm thứ 3 của giai đoạn, là năm đánh giá kết quả giữa Nhiệm kỳ toàn tỉnh thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ XII, Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XI, Nghị quyết về Kế hoạch phát triển 5 năm của HĐND tỉnh; do đó, yêu cầu và nhiệm vụ của năm 2018 là rất nặng nề, trong bối cảnh tiếp tục đà phát triển khá cao của năm 2017, tình hình kinh tế vĩ mô tiếp tục ổn định, khả năng triển khai các nhiệm vụ năm 2018 sẽ gặp một số mặt thuận lợi nhưng cũng tiềm ẩn nhiều khó khăn, thách thức. Trong bối cảnh đó, việc xây dựng kế hoạch năm 2018 phải được tính toán, bảo đảm dự báo tình hình và giải pháp cụ thể, khả thi. Việc triển khai kế hoạch, cần trước hết là sự nỗ lực của hệ thống chính trị, doanh nghiệp và nhân dân toàn tỉnh để phát huy tối đa nội lực, nhạy bén và sáng tạo trong công việc, quyết tâm thúc đẩy tăng trưởng kinh tế và phát triển xã hội trong năm 2018.

1. Tiếp tục đẩy mạnh thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh, Nghị quyết phát triển KTXH 5 năm 2016-2020 của HĐND tỉnh

- Tiếp tục triển khai theo tiến độ các chương trình hành động, kế hoạch thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XI nhiệm kỳ 2015 - 2020 và

các Nghị quyết, Chương trình, Kế hoạch của Tỉnh ủy, Ban Thường vụ Tỉnh ủy và Nghị quyết về Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội giai đoạn 2016 - 2020 của HĐND tỉnh. Cụ thể hóa theo lộ trình Kế hoạch 5 năm vào kế hoạch năm 2018.

- Quán triệt và thực hiện sáng tạo, linh hoạt các chính sách của Trung ương phù hợp với đặc điểm của địa phương. Bám sát các chính sách điều chỉnh của Trung ương, tình hình phát sinh thực tiễn trong thời gian qua, đề xuất Tỉnh ủy, HĐND tỉnh điều chỉnh, bổ sung các mục tiêu định hướng trong các Nghị quyết nhiệm vụ 5 năm, giai đoạn 2016-2020 cho phù hợp.

- Tổ chức, đánh giá giữa nhiệm kỳ kết quả thực hiện Nghị quyết phát triển 5 năm của Tỉnh ủy, HĐND tỉnh; đề xuất giải pháp tăng cường, quyết liệt thực hiện thành công các Nghị quyết. Đề xuất điều chỉnh các chỉ tiêu, nhiệm vụ mà tình hình khách quan có sự thay đổi, buộc phải điều chỉnh cho phù hợp. Xây dựng đề cương và nhiệm vụ Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội tỉnh đến năm 2035.

2. Về phát triển công nghiệp

- Tiếp tục huy động nguồn vốn các thành phần kinh tế trong và ngoài nước đầu tư vào các ngành công nghiệp có lợi thế so sánh của tỉnh như: Chế biến nông, lâm sản; khai thác và chế biến khoáng sản; công nghiệp hỗ trợ phát triển ngành công nghiệp bô xít, các sản phẩm sau nhôm, công nghiệp phụ trợ để bảo đảm nhu cầu trong nước và đẩy mạnh xuất khẩu.

- Rà soát xác định các cụm công nghiệp thiếu hiệu quả, đề xuất chuyển đổi quy hoạch, tập trung vào các cụm công nghiệp có triển vọng, để ưu tiên tìm giải pháp đầu tư. Tập trung đầu tư hạ tầng khu công nghiệp Nhân Cơ đáp ứng tiến độ xây dựng Nhà máy điện phân Nhôm; đồng thời, đôn đốc, tạo mọi điều kiện để nhà máy đi vào hoạt động trong năm 2018. Theo dõi, hỗ trợ nhà máy Alumin Nhân Cơ sản xuất ổn định, tăng sản lượng so với năm 2017.

- Chủ động nắm bắt những khó khăn, vướng mắc trong hoạt động sản xuất kinh doanh, trong triển khai thực hiện dự án để kịp thời tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc cho doanh nghiệp đến kết quả cuối cùng, chú trọng đôn đốc các dự án trọng điểm về chế biến, điện năng lượng mặt trời.

3. Về phát triển nông nghiệp và nông thôn

- Triển khai thực hiện 02 đề án trọng điểm của ngành nông nghiệp gồm: Đề án tái cơ cấu ngành nông nghiệp và Đề án quy hoạch vùng sản xuất nông nghiệp công nghệ cao, nhằm mục tiêu tăng năng suất, chất lượng, khả năng cạnh tranh và hội nhập quốc tế của các sản phẩm chủ lực của tỉnh.

- Chuyển đổi hợp lý cơ cấu sử dụng đất nông nghiệp, ổn định diện tích cây trồng hiện có, nhất là cây cà phê, hồ tiêu. Hướng dẫn người dân canh tác tiết kiệm nước, áp dụng các tiến bộ khoa học kỹ thuật, đầu tư thâm canh; công bố công khai, rộng rãi các giống cây trồng đạt chuẩn đối với từng loại cây trồng cho người dân, hướng dẫn canh tác để sản xuất ra sản phẩm đồng nhất, chất lượng cao, đem lại hiệu quả kinh tế.

- Tiếp tục nâng cấp, cải tạo đầu tư mới các công trình thủy lợi, sử dụng hiệu quả các công trình thủy lợi, kết hợp điều hòa giữa thủy lợi và thủy điện phục vụ tốt cho nông nghiệp. Chủ động triển khai các biện pháp chống hạn cho cây trồng. Theo dõi chặt chẽ diễn biến thời tiết, kịp thời thông tin cho người dân chủ động trong sản xuất, giảm thiểu thiệt hại.

- Tăng cường công tác quản lý thị trường, quản lý chặt chẽ chất lượng vật tư đầu vào, nhất là cây giống và phân bón, thuốc trừ sâu; xử lý nghiêm các cơ sở phân phối chế phẩm nông nghiệp giả hoặc chất lượng kém. Kiểm soát dịch bệnh, tăng cường dịch vụ thú y, chủ động phòng chống dịch bệnh cho vật nuôi, kiểm soát có hiệu quả dịch bệnh trên cây trồng. Nâng cao năng lực quản lý, sản xuất tiếp cận công nghệ, thị trường cho người dân địa phương. Hướng dẫn chăn nuôi theo mô hình trang trại, sản xuất khép kín, ứng dụng tiến bộ kỹ thuật về giống, quy trình chăn nuôi để tăng chất lượng sản phẩm.

- Thực hiện có hiệu quả các chính sách hỗ trợ doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn; chuyển dần việc cung cấp một số dịch vụ công sang cho tư nhân, tăng tỷ lệ vốn đầu tư từ các thành phần kinh tế ngoài nhà nước trong tổng vốn đầu tư vào nông nghiệp.

- Tập trung quản lý bảo vệ phát triển rừng. Đẩy mạnh trồng rừng tập trung và cây phân tán, chú trọng quản lý tái sinh tự nhiên, tăng độ che phủ. Đề xuất chính sách, biện pháp xử lý triệt để các tranh chấp giữa doanh nghiệp được giao đất và người dân địa phương, bảo đảm hài hòa quyền lợi và sinh kế cho người dân. Đẩy nhanh tiến độ sắp xếp, đổi mới và phát triển, nâng cao hiệu quả hoạt động của công ty nông, lâm nghiệp theo đúng kế hoạch đã đề ra.

- Đẩy nhanh tiến độ thực hiện các nhiệm vụ của Chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng nông thôn mới theo phương thức lồng ghép với nhiều chương trình, dự án trên cùng một địa bàn nhằm xây dựng nông thôn mới bền vững, hiệu quả, đa dạng hoá nguồn lực, thật sự là chương trình của dân, do dân và vì dân.

4. Về phát triển thương mại, dịch vụ và du lịch

- Tiếp tục thực hiện cuộc vận động "Người Việt Nam ưu tiên dùng hàng Việt Nam"; thực hiện Kế hoạch đưa sản phẩm nông nghiệp thế mạnh vào tiêu thụ tại các siêu thị trong nước tại Kế hoạch số 558/KH-UBND ngày 05/12/2016 của UBND tỉnh; xây dựng kế hoạch đẩy mạnh xuất khẩu hàng chủ lực tỉnh Đắk Nông đến năm 2020. Thực hiện hiệu quả các hoạt động xúc tiến thương mại, kết nối giao thương, chú trọng xúc tiến thương mại ngoài nước, giúp doanh nghiệp tìm kiếm mở rộng thị trường tiêu thụ sản phẩm, thúc đẩy sản xuất, kinh doanh phát triển và đẩy mạnh xuất khẩu.

- Triển khai thực hiện có hiệu quả kế hoạch cải tạo, nâng cấp, xây dựng hệ thống chợ, siêu thị, trung tâm thương mại theo hướng tăng cường huy động các nguồn vốn ngoài ngân sách nhà nước. Tạo điều kiện thuận lợi cho các doanh nghiệp đầu tư phát triển hệ thống phân phối bán buôn, bán lẻ trên địa bàn tỉnh, để đảm bảo cung ứng hàng hóa, phục vụ nhân dân trên địa bàn tỉnh.

- Thực hiện tốt công tác tuyên truyền pháp luật trong hoạt động thương mại; thực hiện nhiệm vụ quản lý thị trường nhằm tăng cường kỷ cương, trật tự thị trường; ngăn chặn tệ nạn buôn lậu, gian lận thương mại, sản xuất và buôn bán hàng giả, hàng kém chất lượng; bảo đảm hàng hóa lưu thông thông suốt, không để xảy ra tình trạng khan hiếm hàng hóa và tăng giá đột biến, để bảo vệ lợi ích chính đáng của người tiêu dùng, của doanh nghiệp và chống thất thu cho ngân sách nhà nước.

- Xây dựng chính sách ưu đãi, thu hút đầu tư để khai thác tiềm năng, thế mạnh về du lịch của địa phương; hỗ trợ phát triển du lịch cộng đồng. Khảo sát, thống kê dịch vụ du lịch, xây dựng hệ thống thông tin, lưu trữ phục vụ công tác quản lý nhà nước về du lịch; khảo sát, thanh kiểm tra hoạt động kinh doanh du lịch, tình hình phục vụ khách du lịch trên địa bàn tỉnh.

5. Về cải thiện môi trường đầu tư và kinh doanh

- Tiếp tục thực hiện các giải pháp cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia đã đề ra tại Nghị quyết số 19-2016/NQ-CP, ngày 28/4/2016 *"Về những nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia hai năm 2016-2017, định hướng đến năm 2020"*; Nghị quyết số 35/NQ-CP ngày 16/5/2016 *"Về hỗ trợ phát triển doanh nghiệp đến năm 2020"* của Chính phủ và các văn bản đã cụ thể hóa của UBND tỉnh với mục tiêu tạo điều kiện thuận lợi nhất cho đầu tư kinh doanh, giảm tối đa chi phí khởi nghiệp, giảm chi phí đầu vào, khuyến khích đổi mới công nghệ, nâng cao khả năng cạnh tranh của doanh nghiệp.

- Tiếp tục đẩy mạnh cơ cấu lại, nâng cao hiệu quả sản xuất, kinh doanh của các doanh nghiệp nhà nước, thực hiện cổ phần hóa, thoái vốn nhà nước, tạo bước chuyển biến mạnh mẽ trong cơ cấu lại doanh nghiệp nhà nước theo Nghị quyết số 12-NQ/TW ngày 03/6/2017 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII về tiếp tục cơ cấu lại, đổi mới và nâng cao hiệu quả doanh nghiệp nhà nước và Quyết định số 707/QĐ-TTg ngày 25/5/2016 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Đề án tái cơ cấu lại doanh nghiệp nhà nước.

- Các tổ chức tín dụng tiếp tục tạo điều kiện thuận lợi cho các doanh nghiệp, cá nhân được vay vốn phát triển sản xuất, kinh doanh, nhất là doanh nghiệp vừa và nhỏ. Tăng cường cải cách thủ tục hành chính, đặc biệt trong lĩnh vực thuế, đất đai, kho bạc nhà nước, bảo hiểm xã hội. Tăng cường kỷ luật, kỷ cương hành chính, giải quyết các khó khăn, vướng mắc, kiến nghị của doanh nghiệp đến kết quả cuối cùng theo đúng chức năng, nhiệm vụ, thẩm quyền của các cơ quan, đơn vị.

- Tăng cường sự phối hợp giữa các cơ quan liên ngành trong công tác quản lý doanh nghiệp, nhằm nắm bắt tình hình hoạt động của doanh nghiệp, qua đó kết hợp rà soát thu hồi các doanh nghiệp bỏ địa chỉ kinh doanh hoặc doanh nghiệp vi phạm các quy định của pháp luật có liên quan.

6. Về phát triển kết cấu hạ tầng giao thông, đô thị và huy động nguồn lực cho đầu tư phát triển

- Tiếp tục vận động tài trợ và thúc đẩy giải ngân vốn ODA, NGO. Thu hút và nâng cao chất lượng các dự án đầu tư FDI. Đẩy mạnh thu hút đầu tư theo hình thức đối tác công - tư (PPP), nhất là các dự án hạ tầng đô thị, trên cơ sở tận dụng các khu giá trị cao để kêu gọi đầu tư. Tuân thủ nghiêm và triển khai có hiệu quả Luật Đầu tư công và Luật Đấu thầu. Tiếp tục tăng cường quản lý đầu tư từ ngân sách nhà nước, nâng cao hiệu quả đầu tư, giải quyết dứt điểm nợ đọng xây dựng cơ bản. Tăng cường công tác giám sát, đánh giá đầu tư.

- Thực hiện các biện pháp tăng nguồn thu, chống thất thu thuế, bồi dưỡng nguồn thu, tăng nguồn thu cho ngân sách chi đầu tư phát triển. Quản lý chi tiêu hợp lý, đúng chế độ. Thực hiện khoán chi hành chính sự nghiệp cho các cơ quan, đơn vị. Triển khai cổ phần hóa các hoạt động sự nghiệp.

- Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra ngành thuế, đổi mới nâng cao hiệu lực, hiệu quả công tác thu thuế, phí, thu nợ đọng thuế, duy trì hoạt động của 02 đoàn liên ngành chống thất thu ngân sách nhà nước và nợ đọng thuế đã được UBND tỉnh thành lập. Tiếp tục hỗ trợ các doanh nghiệp kê khai thuế điện tử.

7. Về bảo đảm an sinh xã hội, chăm sóc đối tượng chính sách

- Tổ chức thực hiện đầy đủ, kịp thời các chính sách, chế độ của nhà nước; tăng cường các hoạt động hỗ trợ, chăm sóc, tổ chức thăm hỏi, động viên trong các dịp lễ, Tết đối với người có công, gia đình chính sách, hộ nghèo, hộ cận nghèo, đồng bào dân tộc thiểu số. Tổ chức kiểm tra, giám sát, đánh giá tình hình thực hiện các chính sách, pháp luật thuộc lĩnh vực lao động, người có công và xã hội.

- Huy động nguồn lực phục vụ công tác giảm nghèo, ưu tiên bố trí ngân sách nhà nước kịp thời để thực hiện chính sách giảm nghèo, chú trọng huy động doanh nghiệp, vận động sự tài trợ của các tổ chức, cá nhân để thực hiện mục tiêu giảm nghèo bền vững. Thay đổi phương thức hỗ trợ hộ nghèo để người nghèo thật sự mong muốn và quyết tâm thoát nghèo.

- Đẩy mạnh các hoạt động truyền thông nhằm nâng cao nhận thức, trách nhiệm trong việc thực hiện công tác bảo vệ, chăm sóc và giáo dục trẻ em. Triển khai các hoạt động phòng, chống tai nạn thương tích trẻ em, phòng chống đuối nước; hỗ trợ trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn. Nâng cao năng lực quản lý nhà nước về bình đẳng giới; Thực hiện chiến lược quốc gia về bình đẳng giới trên địa bàn tỉnh Đắk Nông giai đoạn 2016-2020.

8. Về chăm sóc và bảo vệ sức khoẻ nhân dân

- Tiếp tục thực hiện đồng bộ các giải pháp nâng cao chất lượng dịch vụ y tế, trong đó trọng tâm là mở rộng và phát triển dịch vụ kỹ thuật cao. Tăng cường đào tạo bác sỹ chuyên khoa cấp I, II thuộc các chuyên khoa cho tất cả các tuyến; quan tâm đào tạo các chuyên khoa hiện chưa được triển khai hoặc nhân lực còn thiếu. Xây dựng lộ trình và tổ chức kiện toàn hệ thống y tế tuyến tỉnh, huyện theo Thông tư liên tịch số 51/TTLT-BYT-BNV ngày 11/12/2015 của liên Bộ Y tế, Bộ Nội vụ .

- Tiếp tục duy trì và đẩy mạnh hoạt động của đường dây nóng; Tăng cường thanh tra, kiểm tra, giám sát, xử lý nghiêm các trường hợp vi phạm đạo đức nghề nghiệp. Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý, điều

hành; công khai minh bạch các thủ tục hành chính, tạo điều kiện thuận lợi nhất cho người bệnh. Giám sát hoạt động hành nghề y, dược tư nhân, an toàn thực phẩm, xử lý chất thải, bảo vệ môi trường tại các bệnh viện; quy chế hoạt động chuyên môn của các cơ sở khám chữa bệnh. Chủ động triển khai công tác phòng chống, khống chế kịp thời và không để xảy ra dịch bệnh trên địa bàn tỉnh.

9. Về công tác giáo dục và đào tạo: Phát triển theo hướng chuẩn hóa toàn diện ở các cấp học, nhất là giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông vùng đồng bào dân tộc, vùng khó khăn. Nâng cao chất lượng giáo dục cho học sinh dân tộc thiểu số, giảm tỷ lệ học sinh đồng bào dân tộc thiểu số bỏ học. Tiếp tục xây dựng đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục đủ về số lượng, đồng bộ về cơ cấu, giỏi về chuyên môn, nghiệp vụ, gương mẫu và trách nhiệm nghề nghiệp. Kiểm tra, đánh giá giáo viên, cán bộ quản lý cơ sở giáo dục theo chuẩn cán bộ quản lý, giáo viên. Thực hiện nghiêm Chỉ thị số 06/CT-UBND ngày 07/8/2017 của UBND tỉnh về việc chấn chỉnh công tác thu, quản lý, sử dụng các khoản đóng góp tại các cơ sở giáo dục công lập trên địa bàn tỉnh Đắk Nông. Chú trọng công tác an toàn học đường, giáo dục an toàn giao thông, tránh đuối nước và đào tạo kỹ năng sống.

10. Về công tác đào tạo nghề và giải quyết việc làm: Thực hiện có hiệu quả các dự án vay vốn giải quyết việc làm, chính sách tín dụng ưu đãi để phát triển kinh tế, tạo việc làm. Tạo điều kiện thuận lợi, ưu tiên cho các doanh nghiệp, các cơ sở sản xuất kinh doanh vay vốn đầu tư cho sản xuất, thu hút nhiều lao động vào làm việc. Tiếp tục thực hiện có hiệu quả các chính sách, chương trình, dự án, giải pháp hỗ trợ tạo việc làm, xuất khẩu lao động, nhất là lao động thuộc hộ nghèo, lao động là người dân tộc thiểu số, thanh niên nông thôn. Kiện toàn mạng lưới cơ sở giáo dục nghề nghiệp. Tuyên truyền thay đổi nhận thức xã hội về học nghề, lập nghiệp, thông tin hiệu quả hoạt động dạy nghề, kết quả đào tạo nghề.

11. Phát triển văn hóa, thể dục, thể thao: Xây dựng môi trường văn hoá lành mạnh; phát huy hiệu quả của hệ thống thiết chế văn hoá, thể thao cơ sở. Tổ chức tốt các hoạt động văn hóa, văn nghệ chào mừng các ngày lễ lớn của đất nước và của tỉnh. Tổ chức lễ hội văn hóa Thổ cẩm các dân tộc Việt Nam tại tỉnh Đắk Nông. Tiếp tục triển khai Đề án Sưu tầm, bảo tồn, phát huy giá trị hiện vật lịch sử, văn hóa tỉnh Đắk Nông đến năm 2015, định hướng 2020. Điều tra, khảo sát di chỉ khảo cổ học trên địa bàn 04 huyện Đắk Glong, Tuy Đức, Krông Nô và thị xã Gia Nghĩa. Điều tra, xây dựng hồ sơ bảo tồn khẩn cấp dân ca M'nông trình Trung ương đưa vào di sản cấp quốc gia. Đôn đốc, thực hiện cuộc vận động "Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa". Tổ chức đại hội Thể dục thể thao tỉnh Đắk Nông lần thứ IV năm 2018.

12. Về phát triển khoa học và công nghệ, thông tin và truyền thông: Đẩy mạnh công tác nghiên cứu ứng dụng, nhất là trong phát triển nông nghiệp sạch, an toàn; ưu tiên thực hiện các nhiệm vụ nghiên cứu, ứng dụng phục vụ trực tiếp cho sản xuất nông nghiệp của địa phương. Triển khai thực hiện Dự án Chính quyền điện tử tỉnh Đắk Nông, tiếp tục đầu tư, hoàn thiện hệ thống thông tin cơ sở dữ liệu của các ngành, lĩnh vực trên địa bàn tỉnh. Tập trung tuyên

truyền các chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước. Bảo đảm thông tin liên lạc, đặc biệt vào các dịp lễ lớn.

13. Về tài nguyên, bảo vệ môi trường và phát triển bền vững

- Tiếp tục thực hiện Chỉ thị số 25/CT-TTg ngày 31/8/2016 của Thủ tướng Chính phủ về một số nhiệm vụ, giải pháp cấp bách về bảo vệ môi trường. Chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu, tăng cường công tác quản lý tài nguyên, tập trung bảo vệ môi trường, quyết liệt bảo vệ rừng. Quyết liệt hoàn thành Kế hoạch 437 trước quý II/2018.

- Tăng cường quản lý khai thác, sử dụng tài nguyên, khoáng sản; ngăn chặn việc khai thác trái phép, lãng phí các nguồn tài nguyên thiên nhiên. Tăng cường khả năng điều tiết các nguồn nước, sử dụng nước tiết kiệm, tăng cường khả năng tích nước cho mùa khô; rà soát các dự án thủy lợi để bảo đảm an toàn trong mùa mưa, đồng thời bảo đảm nước tưới vào mùa khô.

14. Về cải cách hành chính, tư pháp và nội chính

- Đẩy mạnh triển khai thực hiện Chương trình tổng thể cải cách hành chính giai đoạn 2011 - 2020. Xây dựng nền hành chính trong sạch, vững mạnh, chuyên nghiệp, hoạt động có hiệu lực, hiệu quả. Tiếp tục đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của các cơ quan nhà nước, triển khai các kế hoạch thực hiện ISO điện tử và dịch vụ công trực tuyến mức độ 3,4 trong các cơ quan hành chính nhà nước giai đoạn 2017-2020; triển khai tích hợp chứng thực chữ ký vào hệ thống phần mềm văn phòng điện tử iOffice.

- Từng sở, ngành, UBND huyện, thị xã chủ động triển khai có hiệu lực, hiệu quả các nhiệm vụ quản lý nhà nước của đơn vị mình, giải quyết khó khăn của doanh nghiệp và người dân đến kết quả cuối cùng. Nghiêm túc triển khai có kết quả tốt các chỉ đạo của Thường trực Tỉnh ủy, HĐND tỉnh và UBND tỉnh.

- Triển khai thực hiện Đề án sắp xếp, kiện toàn tổ chức bộ máy các cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập thuộc tỉnh theo chỉ đạo tại 02 Nghị quyết 18 và 19 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng tại Hội nghị lần thứ 6, khóa XII và các văn bản chỉ đạo liên quan của Chính phủ. Tiếp tục thực hiện chính sách tinh giản biên chế của cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh.

- Nắm chắc tình hình khiếu nại, tố cáo ngay từ khi mới phát sinh tại các huyện, thị xã. Tăng cường đôn đốc các huyện, thị xã giải quyết dứt điểm các vụ khiếu kiện ngay tại địa phương nhằm hạn chế tiếp khiếu, tiếp tố; không để các trường hợp lợi dụng khiếu nại, tố cáo để gây rối, làm ảnh hưởng đến an ninh, trật tự, tố cáo sai sự thật làm ảnh hưởng đến danh dự, uy tín cá nhân.

- Tăng cường phối hợp giữa các cơ quan chức năng trong việc cung cấp thông tin cho các cơ quan báo chí để bảo đảm chính xác thông tin khách quan, đúng sự thật để góp phần thực hiện có hiệu quả công tác phòng, chống tham nhũng.

- Bố trí kinh phí hỗ trợ cho các trường hợp đang hưởng các chính sách tại Nghị quyết số 35/2011/NQ-HĐND ngày 09/12/2011 và Nghị quyết số 46/NQ-HĐND ngày 22/12/2016 của HĐND tỉnh nhưng chưa được nhận hỗ trợ hoặc chưa thanh toán hết chế độ.

15. Về công tác đối ngoại, quốc phòng, an ninh

- Thực hiện tốt đường lối đối ngoại của Đảng và Nhà nước, tăng cường hợp tác quốc tế, tranh thủ mọi nguồn lực bên ngoài để phát triển kinh tế. Đẩy mạnh hợp tác kinh tế với thành phố Hồ Chí Minh, các tỉnh khác và các tổng công ty lớn của Trung ương. Đẩy mạnh mở rộng quan hệ hợp tác kinh tế với tỉnh Mondulkiri, (Campuchia), Hàn Quốc, Nhật Bản theo kế hoạch đã đề ra.

- Tăng cường củng cố quốc phòng an ninh cả về tiềm lực và thế trận, bảo đảm trật tự an toàn xã hội, đặc biệt tại các khu vực trọng điểm, vùng biên giới, xây dựng khu vực phòng thủ tỉnh, huyện vững chắc, kết hợp chặt chẽ kinh tế với quốc phòng, an ninh trong quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn tỉnh. Phấn đấu hoàn thành kế hoạch diễn tập khu vực phòng thủ; hoàn thành các chỉ tiêu về động viên, xây dựng lực lượng, tuyển quân do Trung ương giao.

- Tăng cường công tác bảo đảm an ninh chính trị, chủ động đấu tranh ngăn chặn kịp thời âm mưu hoạt động chống phá của các thế lực thù địch, phản động. Nâng cao hiệu quả, công tác phòng chống tội phạm, gắn với nhiệm vụ phát triển kinh tế xã hội; chủ động phòng ngừa, kết hợp chặt chẽ với tích cực tấn công, trấn áp tội phạm, kiềm chế tai nạn giao thông./.

CHỦ TỊCH

Lê Diễn

Phụ lục

KẾ HOẠCH KINH TẾ XÃ HỘI NĂM 2018

(Kèm theo Nghị quyết số 18 /NQ-HĐND ngày 14 tháng 12 năm 2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đắk Nông)

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Ước TH 2017		Kế hoạch năm 2018		Ghi chú
			Theo hệ số chi phí trung gian cũ	Theo hệ số chi phí trung gian mới	Theo hệ số chi phí trung gian cũ	Theo hệ số chi phí trung gian mới	
I	**CHỈ TIÊU KINH TẾ**						
1	**Tổng sản phẩm** *(giá cố định năm 2010)*	**Tỷ đồng**	**17.782**	**15.418**	**19.120**	**16.520**	
	Trong đó:						
	+ Giá trị gia tăng ngành nông, lâm nghiệp	Tỷ đồng	7.844	6.727	8.329	7.128	
	+ Giá trị gia tăng ngành công nghiệp - xây dựng	Tỷ đồng	2.801	2.703	3.115	2.957	
	+ Giá trị gia tăng ngành dịch vụ	Tỷ đồng	6.052	5.543	6.515	5.956	
	+ Thuế	Tỷ đồng	1.085	445	1.161	479	
	Tốc độ tăng trưởng kinh tế (GRDP)	**%**	**9,47%**	**9,03%**	**7,52%**	**7,15%**	
2	**Tổng sản phẩm** ***(giá hiện hành)***	**Tỷ đồng**	**25.871**	**22.663**	**28.479**	**24.529**	
	Trong đó:						
	+ Giá trị gia tăng ngành nông, lâm nghiệp	Tỷ đồng	12.741	10.920	13.682	11.731	
	+ Giá trị gia tăng ngành công nghiệp - xây dựng	Tỷ đồng	3.912	3.773	4.377	4.154	
	+ Giá trị gia tăng ngành dịch vụ	Tỷ đồng	7.804	7.315	8.935	7.933	
	+ Thuế	Tỷ đồng	1.414	655	1.485	711	
	GRDP bình quân đầu người	**Triệu đồng**	**41,26**	**36,15**	**44,85**	**38,63**	
3	**Cơ cấu tổng sản phẩm theo ngành kinh tế**	%	100	100	100,00	100,00	
	- Nông, lâm, ngư nghiệp	%	49,25	48,2	48,0	47,8	
	- Công nghiệp, xây dựng	%	15,12	16,6	15,4	16,9	
	- Dịch vụ	%	30,17	32,3	31,4	32,3	
	- Thuế	%	5,47	2,9	5,2	2,9	
4	**Tổng vốn đầu tư toàn xã hội**	**Tỷ đồng**		**13.280**	**15.234**	**15.234**	
5	**Xuất - nhập khẩu**						
	Giá trị kim ngạch xuất khẩu trên địa bàn	Triệu USD		988	1.000	1.000	
	Giá trị kim ngạch nhập khẩu trên địa bàn	Triệu USD		186	130	130	
6	**Thu - Chi ngân sách**						
	Thu ngân sách Nhà nước trên địa bàn	Tỷ đồng		1.850	2.000	2.000	
	Chi ngân sách địa phương	Tỷ đồng		5.696	5.660	5.660	
7	**Tổng mức lưu chuyển hàng hoá bán lẻ và doanh thu dịch vụ tiêu dùng trên địa bàn**	**Tỷ đồng**		**13.500**	**14.641**	**14.641**	
8	**Hạ tầng giao thông**						
	Nhựa hóa đường toàn tỉnh	%		59	61	61	
	Trong đó: Nhựa hoá đường huyện	%		88	*92*	*92*	

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Ước TH 2017		Kế hoạch năm 2018		Ghi chú
			Theo hệ số chi phí trung gian cũ	Theo hệ số chi phí trung gian mới	Theo hệ số chi phí trung gian cũ	Theo hệ số chi phí trung gian mới	
9	- Tỷ lệ đáp ứng cho diện tích có nhu cầu tưới	%		74	76	76	
	- Tỷ lệ hộ nông thôn sử dụng nước hợp vệ sinh	%		87	88	88	
	- Tỷ lệ hộ dân thành thị sử dụng nước sạch	%		94	96	96	
	- Tỷ lệ thu gom rác thải đô thị	%		100	100	100	
10	**Hạ tầng cấp điện**						
	- Tỷ lệ số hộ được sử dụng điện	%		97	97,5	97,5	
	- Tỷ lệ thôn, buôn, bon có điện lưới QG	%		99	99	99	
II	**CHỈ TIÊU XÃ HỘI - MÔI TRƯỜNG**						
1	**Dân số trung bình**						
	- Dân số trung bình	Ngàn người		627	635	635	
	- Tốc độ tăng dân số tự nhiên	%		1,1	1,1	1,1	
	- Mức tỉ lệ giảm sinh	‰		0,8	0,8	0,8	
2	**Lao động và việc làm**						
	- Số lao động được giải quyết việc làm	Người		18.000	18.000	18.000	
	- Đào tạo nghề	Người		4.385	3.800	3.800	
	- Tỉ lệ lao động qua đào tạo	%		39	41	41	
3	**Giảm nghèo:**						
	Tỷ lệ hộ nghèo (theo chuẩn đa chiều)	%		Giảm 2,61%	Giảm 2%	Giảm 2%	
	Trong đó: Tỷ lệ hộ nghèo đồng bào dân tộc thiểu số tại chỗ	%		Giảm 7,88%	Giảm 5%	Giảm 5%	
4	**Y tế**						
	- Số giường bệnh/vạn dân (không tính trạm y tế xã)	Giường		18,0	18,2	18,2	
	- Số bác sỹ/vạn dân	Bác sỹ		7,3	7,5	7,5	
	- Tỷ lệ đạt chuẩn quốc gia về y tế xã	%		50,7	56,3	56,3	
	- Tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi suy dinh dưỡng	%		21,1	20,6	20,6	
	- Tỷ lệ tiêm chủng mở rộng cho trẻ em	%		93,0	>=90	>=90	
	- Tỷ lệ dân số tham gia bảo hiểm y tế	%		83,0	84,9	84,9	
5	**Giáo dục**						
	- Tỷ lệ dân số trong độ tuổi học Trung học phổ thông đi học	%		68	68,0	68,0	
	- Số trường ở các cấp học được công nhận đạt chuẩn quốc gia mới	Trường/ năm		11	8	8	
6	**Văn hóa**						
	- Tỷ lệ hộ gia đình đạt danh hiệu văn hóa	%		77	78	78	
	- Tỷ lệ thôn, bon, tổ dân phố văn hóa	%		72	73	73	
	- Xã, phường, thị trấn văn hóa	%		24	24,5	24,5	
	- Cơ quan văn hóa	%		88,7	88,8	88,8	

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Ước TH 2017		Kế hoạch năm 2018		Ghi chú
			Theo hệ số chi phí trung gian cũ	Theo hệ số chi phí trung gian mới	Theo hệ số chi phí trung gian cũ	Theo hệ số chi phí trung gian mới	
7	**Chỉ tiêu về môi trường**						
	- Tỷ lệ che phủ rừng	%		39,3	40	40	
	- Trồng mới rừng tập trung hàng năm	ha		2.146	1.834	1.834	
	- Tỷ lệ giảm các vụ phá rừng (giảm % số vụ và diện tích so với năm trước)	%		Tăng 49% về số vụ; tăng 151% về diện tích;	Giảm 50%	Giảm 50%	
8	**Nông thôn mới:**						
	Số xã đạt chuẩn nông thôn mới	Xã		5 (lũy kế 10 xã)	4 (lũy kế 14 xã)	4 (lũy kế 14 xã)	
	Số tiêu chí bình quân mỗi xã đạt trở lên	Tiêu chí		12	12,5	12,5	

Trong đó:

- Theo hệ số chi phí trung gian cũ: Là phương pháp tính khi xây dựng Nghị quyết 5 năm và Nghị quyết năm 2017

- Theo hệ số chi phí trung gian mới: Là từ năm 2017 trở đi áp dụng hệ số chi phí trung gian mới (định kỳ 5 năm/lần) theo quy định của Tổng Cục Thống kê và thay đổi trong phương pháp tính toán chỉ số giá của Khu vực Dịch vụ.